TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HNGĐ-ST
Ngày 30-9-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Bình;

Ông Vũ Đức Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 117/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/9/2024 (Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 23/9/2024), giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đào Thị Tuyết M, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Khu 6, thị trấn T, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Xuân D, sinh năm 19xx; nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đào Thị Tuyết M trình bày:

Chị Đào Thị Tuyết M và anh Phạm Xuân D tự nguyện kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã K từ ngày 10 tháng 02 năm 2015. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận được thời gian đầu thì mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống,

vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng anh chị đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nhận nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D. Anh chị có 02 con chung là Phạm Thuỳ Dung, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2015 và Phạm Quang D1, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2019. Khi ly hôn, chị M đề nghị Toà án giao cháu Phạm Quang D1 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Phạm Thuỳ Dung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh chị xin tự thoả thuận về việc cấp dưỡng cho con và về tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh Phạm Xuân D) trình bày, xác nhận về thời gian kết hôn, thời điểm sống ly thân, về con chung và tài sản chung là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày; anh chị chỉ cãi nhau lặt vặt, không có gì lớn. Mặc dù vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm 2022 đến nay, anh D không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh D không đồng ý ly hôn chị M. Anh chị có 02 con chung như chị M trình bày. Trường hợp nếu phải ly hôn anh đề nghị Toà án giao con Thuỳ D cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Quang D1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh D xin tự thoả thuận về việc cấp dưỡng cho con và về tài sản chung với chị M, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo về việc thu thập được chứng cứ, tài liệu, mở phiên họp, hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên toà được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tại Chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Tuyết M, tuyên xử cho chị M được ly hôn anh Phạm Xuân D. Giao cho

chị Đào Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Quang D1, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2019, giao cho anh Phạm Xuân D trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thuỳ Dung, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2015. Việc cấp dưỡng cho con và về tài sản chung anh chị xin tự giải quyết với nhau, nên không đề nghị xem xét, giải quyết. Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Đào Thị Tuyết M khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Xuân D và đề nghị giải quyết về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; anh D có đăng ký thường trú tại thôn N, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn (chị M) vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn (anh D) vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị M và anh D.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của các đương sự phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu xác minh tại gia đình, địa phương và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, sự phù hợp đó thể hiện: Chị M và anh D tự nguyện kết hôn với nhau tại Uỷ ban nhân dân xã Nghĩa vào ngày 10 tháng 02 năm 2015 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống, anh chị hoà thuận được khoảng 04 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh D không đồng ý ly hôn chị M nhưng anh D không có giải pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ, xác nhận vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ xác định, tình trạng hôn nhân của chị M, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của chị M là có căn cứ, phù

hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận, xử cho chị M được ly hôn anh D.

[4] Về con chung: Anh chị xác nhận có 02 con là Phạm Thuỳ Dung, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2015 và Phạm Quang D1, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2019. Từ khi anh chị sống ly thân đến nay, cháu D1 do chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt; cháu Dung do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đã thống nhất được với nhau về người trực tiếp nuôi con khi hôn. Xét thấy, điều kiện nhận trực tiếp nuôi con của các đương sự hiện tại ngang nhau, đủ điều kiện nhận trực tiếp nuôi con; các đương sự đã thống nhất, thoả thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn; việc thoả thuận về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của các con; không trái đạo đức, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần ghi nhận sự thoả thuận này. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con Phạm Quang D1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Phạm Thuỳ Dung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự xin tự thoả thuận, không ai yêu cầu Tòa án giải quyết, xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đào Thị Tuyết M, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đào Thị Tuyết M được ly hôn anh Phạm Xuân D.

2. Về con chung: Giao cho chị Đào Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Quang D1, sinh ngày 06 tháng 3 năm 2019; giao cho anh Phạm Xuân D trực tiếp nuôi dưỡng con Phạm Thuỳ Dung, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2015. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 30 tháng 9 năm 2024 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con, anh chị xin tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đào Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, án phí ly hôn sơ thẩm. Chị M đã nộp 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0009069, ngày 18/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng. Như vậy, chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, thông báo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng (Để thi hành);
- UBND xã Khởi Nghĩa, huyện Tiên Lãng (ĐKKH số 08/2015);
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Huyền Trang